

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH
BỘ MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHOA KINH TẾ



BÀI GIẢNG

KINH TẾ TỔ CHỨC

(Bài giảng Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh)

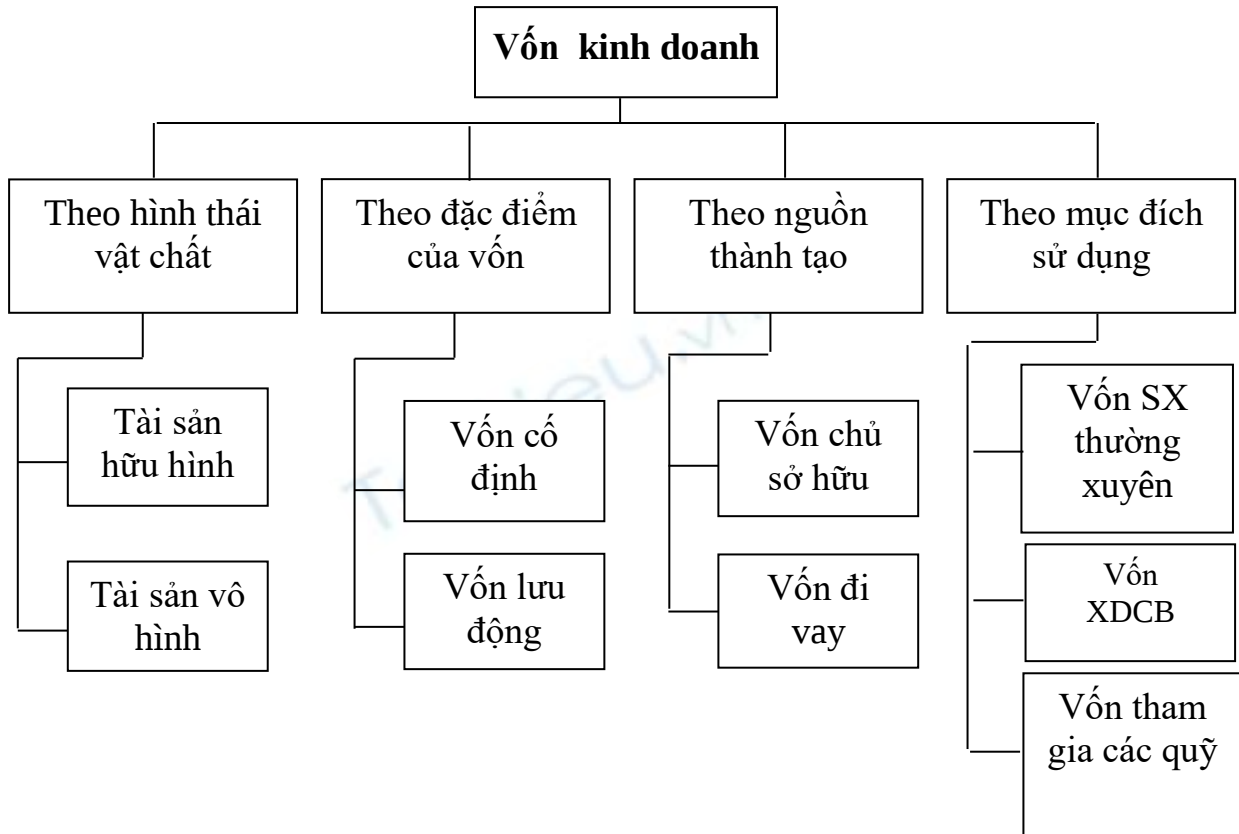
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Quảng Ninh tháng 8/2019

Chương 1: VỐN SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Khái niệm vốn sản xuất kinh doanh

Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là tổng thể các yếu tố mang hình thái vật chất và phi vật chất mà chủ thể kinh doanh cần phải có để tạo ra sản phẩm hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.



1.2. Vốn cố định, Tài sản cố định

1.2.1. Khái niệm của vốn cố định, tài sản cố định

Trong tất cả các doanh nghiệp, để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì một trong những yếu tố không thể thiếu đó là tư liệu lao động. Tư liệu lao động có thể biểu hiện dưới dạng vật chất cụ thể như: Nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất... gọi là tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, cũng có loại không biểu hiện dưới dạng vật chất như: Phát minh sáng kiến, công nghệ sản xuất, thiết kế kỹ thuật, giấy phép kinh doanh... Đó là những tư liệu lao động dạng phi vật chất gọi là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định là những tư liệu lao động có thời gian sử dụng dài, có giá trị lớn tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hay nói cách khác, tài sản cố định là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh giữ chức năng tư liệu lao động.

Vốn cố định là biểu hiện bằng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp.

1.2.2. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định

** Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình*

Tư liệu lao động là từng tài sản hữu hình có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào đó thì hệ thống không thể hoạt động

được, nếu thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định hữu hình.

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định đó.
- Nguyên giá phải được xác định một cách tin cậy, chính xác.
- Thời gian sử dụng trên một năm.
- Giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên quan đến nhau trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và thiếu một bộ phận nào đó cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó. Nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn trên thì cũng được coi là tài sản cố định.

Một tư liệu lao động nếu thiếu một trong các điều kiện trên được coi là công cụ lao động nhỏ.

** Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình*

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn trên mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn bốn tiêu chuẩn trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Riêng các chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu thoả mãn các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

1.2.3. Đặc điểm của tài sản cố định

- Tài sản cố định tham gia vào nhiều chu kỳ của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó có thể bị hư hỏng, hao mòn các tính năng ban đầu nhưng hình thái vật chất hầu như không thay đổi, vẫn giữ nguyên là vật trung gian truyền tác động của con người lên đối tượng lao động trong quá trình tạo ra sản phẩm.

- Giá trị và giá trị sử dụng của tài sản cố định giảm dần trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải tái tạo bằng cách chuyển dần từng phần giá trị của chúng vào giá thành sản phẩm dưới hình thức khấu hao.

Phân loại tài sản cố định

Phân loại tài sản cố định là chia tổng thể những yếu tố tư liệu lao động cấu thành lên tài sản cố định của doanh nghiệp thành tập hợp các loại tài sản phù hợp với mục đích nghiên cứu.

** Căn cứ vào hình thái vật chất của tài sản cố định*

- Tài sản cố định hữu hình: Là tập hợp những yếu tố tư liệu lao động có hình thái vật chất cụ thể, có đủ tiêu chuẩn giá trị và thời gian sử dụng theo chế độ quy định hiện hành.

Gồm

Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc

Bao gồm những tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, cầu cống, đường xá, cầu cảng... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Loại 2: Máy móc thiết bị

Là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị lẻ...

Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

Là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ, đường không, đường ống, ô tô, máy kéo, các loại đầu máy, xe goòng, xe tải, ống dẫn...

Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý

Là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy tính phục vụ công tác quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy điều hoà...

Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm

Là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, cao su, vườn cây ăn quả... súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm như đàn voi, trâu, bò...

Loại 6: Các loại tài sản cố định khác

- Tài sản cố định vô hình: Là tập hợp những yếu tố tư liệu lao động không có hình thái vật chất cụ thể nhưng vẫn thể hiện một lượng giá trị mà doanh nghiệp đã thật sự đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Gồm giá trị đất, mặt nước, bến, bãi,... doanh nghiệp phải bỏ tiền ra để mua, đền bù, san lấp,... nhằm có được mặt bằng sản xuất kinh doanh.

+ Bằng phát minh sáng chế: Là các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra để mua lại các bản quyền tác giả, bằng sáng chế hoặc chi trả cho các công trình nghiên cứu được nhà nước cấp bằng phát minh, sáng chế để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Tài sản cố định vô hình khác: Gồm các khoản chi phí doanh nghiệp chi ra để giành quyền đặc nhượng, quyền sử dụng hợp đồng, độc quyền nhãn hiệu...

1.2.4. Hao mòn tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định là sự giảm dần giá trị và giá trị sử dụng của tài sản cố định do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên, do tiến bộ của khoa học kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của tài sản cố định.

Quá trình hao mòn tài sản cố định bao gồm hai hình thái là hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

- Hao mòn hữu hình

Nguyên nhân của hao mòn hữu hình:

+ Chất lượng của tài sản cố định.

+ Chế độ quản lý, sử dụng tài sản cố định.

+ Chế độ bảo vệ, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thường xuyên, định kỳ đối với tài sản cố định.

Trình độ kỹ thuật, tinh thần trách nhiệm của người sử dụng và sự quan tâm của các cấp quản lý.

+ Các điều kiện tự nhiên và môi trường.

- Hao mòn vô hình

Nguyên nhân của hao mòn vô hình

+ Do tiến bộ của khoa học kỹ thuật nên:

Tài sản cố định cũ có thể bị mất giá do tài sản cố định mới được sản xuất ra với giá cũ nhưng năng lực sản xuất cao hơn.

Tài sản cố định cũ bị mất giá do tài sản cố định mới được sản xuất ra có công suất bằng tài sản cố định cũ nhưng giá lại rẻ hơn.

+ Do nhu cầu của người tiêu dùng

Tài sản cố định cũ bị mất giá do sản phẩm của chúng sản xuất ra không còn phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Hao mòn vô hình là tất yếu khách quan nên mang tính chất phổ biến với mọi tài sản cố định. Tốc độ hao mòn tài sản cố định vô hình phụ thuộc vào tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật vì chỉ có tiến bộ khoa học kỹ thuật mới là nguyên nhân làm giảm hao phí lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra tài sản cố định có tính năng tương tự.

Biện pháp khắc phục hao mòn tài sản cố định.

+ Tăng năng suất, công suất sử dụng của tài sản cố định.

+ Nâng cao trình độ sản xuất, trình độ kỹ thuật cho người lao động.

+ Tận dụng triệt để thời gian làm việc của tài sản cố định.

+ Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tài sản cố định.

+ Giáo dục ý thức làm chủ của người lao động.

1.2.5. Khấu hao tài sản cố định

** Khái niệm*

Khấu hao tài sản cố định là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian sử dụng tài sản cố định nhằm thu hồi lại giá trị của tài sản cố định đó hao mòn hoặc để duy trì và phục hồi giá trị của tài sản cố định trong thời gian sử dụng

khấu hao tài sản cố định

- Mọi tài sản cố định của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải trích khấu hao. Mức trích khấu hao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Doanh nghiệp không được trích và tính khấu hao đối với những tài sản đã hết khấu hao mà vẫn còn sử dụng.

- Với những tài sản chưa hết khấu hao đã hỏng, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại... và tính vào chi phí khác.

- Những tài sản không tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao.

- Doanh nghiệp cho thuê tài sản cố định hoạt động phải trích khấu hao đối với tài sản cố định đó.

- Doanh nghiệp đi thuê tài sản cố định tài chính phải trích khấu hao đối với tài sản cố định đó và tính vào chi phí kinh doanh.

- Việc trích và thôi trích khấu hao được thực hiện bắt đầu từ ngày mà tài sản cố định đó tăng, giảm hoặc ngừng tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quyền sử dụng đất lâu dài là tài sản cố định vụ hình đặc biệt doanh nghiệp không được trích khấu hao.

** Một số phương pháp trích khấu hao tài sản cố định*

Mức khấu hao là bộ phận giá trị tài sản cố định chuyển dần vào giá thành của sản phẩm mà nó sản xuất ra.

Có nhiều phương pháp trích khấu hao tài sản cố định. Việc lựa chọn phương pháp trích khấu hao nào là tùy thuộc vào quy định của Nhà nước về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và yêu cầu của doanh nghiệp.

Phương pháp khấu hao được lựa chọn phải đảm bảo thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

Khi trích khấu hao tài sản cố định cần chú ý những yếu tố sau:

- Tình hình tiêu thụ sản phẩm do tài sản cố định tham gia sản xuất ra.
- Hao mòn vô hình của tài sản cố định.
- Nguồn vốn đầu tư cho tài sản cố định.
- ảnh hưởng của thuế.
- Các quy định của Nhà nước trong việc trích khấu hao tài sản cố định.

Theo quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 quy định trong các doanh nghiệp được trích khấu hao theo một trong số các phương pháp sau đây:

Phương pháp 1: Khấu hao theo đường thẳng (phương pháp khấu hao đều, phương pháp khấu hao theo thời gian)

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng như sau:

+ Căn cứ vào các quy định hiện hành doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định (N).

+ Mức trích khấu hao trung bình hàng năm (M_{KHN}) của tài sản cố định được xác định theo công thức sau:

$$M_{KHN} = \frac{G_{TSCĐ}}{N}, \text{ đ/năm}$$

+ Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng của tài sản cố định (M_{KHT}) được xác định bằng mức khấu hao năm chia cho 12 tháng.

$$M_{KHT} = \frac{M_{KHN}}{12}, \text{ đ/tháng}$$

+ Tỷ lệ khấu hao năm của tài sản cố định (T_{KH}) được xác định bằng một chia cho số năm trích khấu hao của tài sản cố định đó:

$$T_{KH} = \frac{1}{N} 100, \%$$

Ví dụ: Công ty A mua một tài sản cố định với giá ghi trên hoá đơn là 119 triệu đồng, chiết khấu mua hàng là 5 triệu đồng, chi phí vận chuyển là 3 triệu đồng, chi phí lắp đặt chạy thử là 3 triệu đồng. Công ty dự kiến sử dụng trong 10 năm. Tài sản được đưa vào sử dụng là ngày 1/1/2004.

Giải

- Nguyên giá của tài sản cố định:

$$G_{TSCĐ} = 119 - 5 + 3 + 3 = 120 \text{ triệu đồng}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng năm là:

$$M_{KHN} = \frac{G_{TSCĐ}}{N} = \frac{120}{10} = 12 \text{ triệu đồng/năm}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng là:

$$M_{KHT} = \frac{M_{KHN}}{12} = \frac{12}{12} = 1 \text{ triệu đồng/tháng}$$

Hàng năm, công ty trích 12 triệu đồng chi phí trích khấu hao tài sản cố định đó vào chi phí kinh doanh.

+ Đối với những tài sản cố định sau khi nâng cấp, hiện đại hoá hoàn thành thì mức khấu hao năm mới (M'_{KHN}) được tính như sau:

$$M'_{KH} = \frac{G_{SauNC}}{N_{SauNC}}, \text{ đ/năm}$$

Trong đó:

N' : Thời gian sử dụng của tài sản cố định được đánh lại sau khi nâng cấp, năm.

G'_{CL} : Giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi nâng cấp, đồng.

Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

Ví dụ: (Tiếp ví dụ trên) Sau 5 năm sử dụng, công ty nâng cấp tài sản cố định với tổng chi phí là 30 triệu đồng, thời gian sử dụng được đánh giá lại là 6 năm. Ngày hoàn thành đưa vào sử dụng là 1/1/2009.

Giải

- Nguyên giá của tài sản cố định

$$G'_{TSCĐ} = 120 + 30 \text{ triệu đồng}$$

- Số khấu hao lũy kế

$$G_{LK} = 12 \times 5 = 60 \text{ triệu đồng}$$

- Giá trị còn lại của tài sản cố định trên sổ kế toán

$$G_{CL} = 150 - 60 = 90 \text{ triệu đồng}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng năm là:

$$M'_{KHN} = \frac{G_{CL}}{N} = \frac{90}{6} = 15 \text{ triệu đồng/năm}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng là:

$$M'_{KHT} = \frac{M'_{KHN}}{12} = \frac{15}{12} = 1,25 \text{ triệu đồng/tháng}$$

Từ năm 2009 trở đi, công ty trích khấu hao vào chi phí kinh doanh mỗi tháng 1.250.000 đồng đối với tài sản cố định vừa được nâng cấp.

Phương pháp 2: Khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định theo các bước:

+ Xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định.

+ Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu được xác định theo công thức:

Mức khấu hao năm của tài sản cố định:

$$M_{KHN} = G_{CL} \cdot T_{nhanh}, \text{ đ/năm}$$

Trong đó:

G_{CL} : Giá trị còn lại của tài sản cố định.

T_{nhanh} : Tỷ lệ khấu hao nhanh.

$$T_{nhanh} = T_{KH} \cdot H_{đc}, \%$$

Trong đó:

H_{dc} : Hệ số điều chỉnh.

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại (bảng 1-1) sau:

Thời gian sử dụng của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh
$N \leq 4$ năm	1,5
$4 < N \leq 6$ năm	2
> 6 năm	2,5

+ Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng hoặc thấp hơn mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại của tài sản cố định thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Ví dụ: Công ty A mua một thiết bị sản xuất các linh kiện điện tử mới với nguyên giá là 30 triệu đồng. Thời gian sử dụng của tài sản cố định là 5 năm.

Giải

- Tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng là:

$$T = \frac{1}{N} \times 100 = \frac{1}{5} \times 100 = 20\%$$

- Tỷ lệ khấu hao nhanh là:

$$T_{nhanch} = T \times H_{dc} = 20 \times 2 = 40\%$$

- Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định được xác định theo (bảng 1-2) dưới đây:

Năm thứ	G_{CL} (đồng)	M_{KHN} đ/năm	M_{KHT} đ/tháng	G_{LK}
1				
2				
3				
4				
5				

Phương pháp 3: Khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

+ Căn cứ vào hồ sơ kinh tế-kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế.

+ Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định được xác định:

- Mức khấu hao tháng của tài sản cố định

$$M_{KHT} = Q_T \cdot m_{bq}, \text{ đ/tháng}$$

- Mức khấu hao năm của tài sản cố định

$$M_{KHN} = Q_N \cdot m_{bq}, \text{ đ/năm}$$

- Mức khấu hao bình quân của tài sản cố định

$$m_{bq} = \frac{G_{TSCĐ}}{Q_{CSTK}}, \text{ đ/sp}$$

Trong đó:

Q_T, Q_N : Khối lượng sản phẩm sản xuất trong tháng, trong năm, sp.

m_{bq} : Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đvsp, đ/sp.

$G_{TSCĐ}$: Nguyên giá tài sản cố định, đ.

Q_{CSTK} : Khối lượng sản phẩm theo công suất thiết kế, sp.

Ví dụ: Công ty A mua một máy ủi đất với nguyên giá 450 triệu đồng. Công suất thiết kế của máy ủi này là 30m³/giờ. Sản lượng theo công suất thiết kế của máy ủi là 2.400.000 m³. Khối lượng sản phẩm đạt được trong năm thứ nhất của máy ủi là:

Tháng	Khối lượng SP hoàn thành, m ³
Tháng 1	14.000
Tháng 2	15.000
Tháng 3	18.000
Tháng 4	16.000
Tháng 5	15.000
Tháng 6	14.000

Giải

- Mức trích khấu hao bình quân tính cho 1m³

$$m_{bq} = \frac{G_{TSCĐ}}{Q_{CSTK}} = \frac{450.000.000}{2.400.000} = 187,5, \text{ đ/m}^3$$

- Mức trích khấu hao của máy ủi được tính theo (bảng 1-4) sau:

Tháng	Sản lượng thực tế tháng, m ³	M_{KHT} , đồng
Tháng 1	14.000	14.000 x 187,5 = 2.625.000
Tháng 2	15.000	15.000 x 187,5 = 2.812.500
Tháng 3	18.000	18.000 x 187,5 = 3.375.000
Tháng 4	16.000	16.000 x 187,5 = 3.000.000
Tháng 5	15.000	15.000 x 187,5 = 2.812.500
Tháng 6	14.000	14.000 x 187,5 = 2.625.000

Chú ý:

- Việc chọn phương pháp khấu hao tùy thuộc vào chấp thuận của cơ quan tài chính và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

1.2.6. Những phương hướng để nâng cao quản lý, sử dụng vốn cố định

** Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định*

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định bằng hai phương pháp:

- Nâng cao trình độ sử dụng máy móc thiết bị theo chiều rộng tức là kéo dài thời gian sử dụng trong một ngày, một năm hoặc khắc phục tình trạng để tài sản cố định ngừng hoạt động do hỏng hóc hoặc do thiếu tinh thần trách nhiệm của người sử dụng và người quản lý.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định theo phương pháp này có liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức lao động theo ca, kíp.

- Nâng cao trình độ sử dụng máy móc thiết bị theo chiều sâu tức là tăng hiệu suất, công suất sử dụng của tài sản cố định trong một thời gian dài. Muốn tăng hiệu suất, công suất trước hết phải sử dụng triệt để tài sản cố định trong thời gian sử dụng bằng cách nâng cao trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức lao động, trình độ nghề nghiệp cho người lao động đồng thời không ngừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới và thường xuyên cải tiến quy trình công nghệ, tổ chức sản xuất theo dây chuyền, cải tiến chất lượng nguyên vật liệu...

Phương pháp nâng cao trình độ sử dụng máy móc thiết bị theo chiều sâu có hiệu quả hơn theo chiều rộng. Nhưng để sử dụng tài sản cố định một cách hiệu quả nhất là phối hợp đồng bộ cả hai phương pháp trên.

- Tổ chức sửa chữa tài sản cố định.

Công tác sửa chữa tài sản cố định có ảnh hưởng to lớn trong việc đảm bảo duy trì tính năng tác dụng và trong việc giảm thời gian ngừng hoạt động của tài sản cố định. Qua đó góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định. Việc tổ chức sửa chữa giữ gìn tài sản cố định phải định hướng vào việc khắc phục những tổn thất do hao mòn phát sinh bởi các nguyên nhân thuộc quá trình sử dụng. Việc giữ gìn bao gồm trông nom, lau chùi, tra dầu mỡ...

- Cải tiến và hiện đại hoá tài sản cố định.

Hiện đại hoá máy móc thiết bị là hoàn thiện số hiện có, làm cho chúng tiến kịp với trình độ tiến bộ kỹ thuật và kinh tế.

Hiện đại hoá là phương pháp rất quan trọng để giảm bớt những tổn thất do sử dụng máy móc thiết bị lạc hậu về kỹ thuật.

- Nâng cao chất lượng, hạ giá thành chế tạo và xây dựng tài sản.

Mức độ hao mòn tài sản cố định phụ thuộc rất lớn vào chất lượng chế tạo và xây lắp tài sản cố định. Tài sản cố định tốt, rẻ thì tổn thất do hao mòn gây ra càng ít.

- Nâng cao ý thức làm chủ của người lao động trong quá trình sử dụng tài sản cố định.

Trong các điều kiện khác nhau, những người lao động có ý thức giữ gìn, bảo vệ và sử dụng tốt tài sản cố định thì mức độ hao mòn của tài sản cố định giảm đồng thời tránh được hư hỏng, tai nạn lao động... Vì vậy, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ cho người lao động là rất cần thiết và có ý nghĩa.

*** Đánh giá tình hình sử dụng vốn cố định**

Để có thể đề ra được phương pháp quản lý vốn cố định cần phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định dựa trên một số chỉ tiêu:

- Hệ số huy động vốn cố định (H_{hd})

$$H_{hd} = \frac{G_{bq}}{Q}, \text{ đ/sản phẩm}$$

$$\text{Hoặc} \quad H_{hd} = \frac{G_{bq}}{Q \cdot g}, \text{ đ/đ} \quad)$$

Trong đó:

Q: Sản lượng sản phẩm sản xuất, tiêu thụ trong kỳ, sản phẩm.

g: Giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm, đ/sản phẩm.

G_{bq} : Giá trị bình quân tài sản cố định huy động trong năm, đồng.